TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu

2. Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự- Thư ký tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ (P)**

Địa chỉ: Số B đường N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Thế Q, bà Phan Thị Thanh H, ông Mai Xuân T, ông Phạm Minh H1 và ông Nguyễn Văn L1; địa chỉ liên hệ: Số B đường C tháng D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng- Ông H1 có mặt;

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy L2**, sinh năm 1989

Địa chỉ: F P, tổ G phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2024, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ngày 29/10/2018, bà Nguyễn Thị Thùy L2 có đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V số 2018102910538204 về việc phát hành thẻ tín dụng đứng tên bà Nguyễn Thị Thùy L2 và được Ngân hàng TMCP Đ xác nhận chấp thuận cấp thẻ thẻ tín dụng có hạn ức 40.000.000 đồng, lãi suất thẻ 25%/năm;

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng có hạn mức 40.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thùy L2 theo quy định của Ngân hàng. Bà Nguyễn Thị Thùy L2 đã sử dụng thẻ tín dụng để rút tiền mặt và thực hiện giao dịch thanh toán mua hàng theo quy định. Tuy nhiên, bà L2 không thực hiện thanh toán đúng như cam kết và bắt đầu vi phạm thanh toán đối với Ngân hàng, kể từ kỳ thanh toán tháng 11/2019. Theo đó bà L2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng tổng nghĩa vụ phát sinh từ thẻ tín dụng; tạm tính đến hết ngày 29/4/2025 là 920.107.944 đồng, trong đó; nợ gốc là 38.187.264 đồng; nợ lãi là 230.525.380 đồng và các khoản phí là 651.395.300 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy L2 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Thùy L2 vẫn chưa thanh toán khoán nợ vay quá hạn cho Ngân hàng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Tòa giải quyết:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi và phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ đã ký, tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 920.107.944 đồng, trong đó; nợ gốc là 38.187.264 đồng; nợ lãi là 230.525.380 đồng và các khoản phí là 651.395.300 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy L2 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền lãi, phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế V Mastercard số 2018102910538204 ngày 29/10/2018 kể từ ngày 30/4/2025 cho đến khi tất toán khoản vay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L2 đã được tòa án tiến hành thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú để bà L2 đến Toà án giải quyết vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng bà L2 không có mặt nên tòa án không có lời khai

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận C, TP ., phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị Thùy L2 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 278, 280, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Nguyễn Thị Thùy L2.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc 38.187.264 đồng và số tiền lãi từ ngày bà L2 vi phạm hợp đồng cho đến ngày Tòa liên quan đến ngày Tòa án xét xử vụ án với mức 37,5%/năm.

Bà Nguyễn Thị Thùy L2 còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi cho Ngân hàng từ ngày Tòa án xét xử vụ án cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cho Ngân hàng TMCP Đ đối với yêu cầu tính các khoản phí liên quan đến hợp đồng tín dụng kèm đơn đề nghị phát hành thẻ sử dụng quốc tế P số 2018102910538204.

Bà Nguyễn Thị Thùy L2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP Đ phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ nộp tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP . và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn Thị Thùy L2 vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong qúa trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu tiêu dùng cá nhân nên vào ngày 29/10/2018, bà Nguyễn Thị Thùy L2 có ký thẻ tín dụng số 2018102910538204 với Ngân hàng TMCP Đ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà L2, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 25%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng TMCP Đ đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của bà L2 về việc cấp thẻ tín dụng và bà L2 đã thực hiện chín lần giao dịch với tổng số tiền 359.501.000 đồng, nhưng cho đến nay bà L2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà đã vi phạm các cam kết về kỳ hạn trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ. Kể từ khi được cấp thẻ tín dụng đến ngày 05/11/2019 bà L2 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ được

322.601.000 đồng. Do bà L2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 05/02/2021 Ngân hàng TMCP Đ đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết; buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 920.107.944 đồng, trong đó; nợ gốc là 38.187.264 đồng; nợ lãi là 230.525.380 đồng và các khoản phí là 651.395.300 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thùy L2 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền lãi, phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ kêcó trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/4/2025 cho đến khi tất toán khoản vay.

Xét yêu cầu của đương sự, trên cơ sở xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và ý kiến, trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3]Đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc: 38.187.264 đồng;

Ngày 29/10/2018, bà Nguyễn Thị Thùy L2 ký với Ngân hàng TMCP Đ đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số thẻ tín dụng số 2018102910538204, theo đó Ngân hàng TMCP Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Thùy L2 thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng. Theo các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng TMCP Đ cung cấp thể hiện; sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L2 đã thực hiện 09 lần giao dịch với số tiền 359.501.000 đồng, tính đến ngày 05/11/2019 bà L2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 322.601.000 đồng. Tính đến ngày 29/4/2025 dư nợ gốc của bà L2 là 38.187.264 đồng, từ thời điểm đó đến nay bà L2 không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí cho Ngân hàng. Như vậy, theo bản Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ như đã viện dẫn nêu trên thì bà L2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng TMCP Đ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà L2 phải thanh toán nợ cho Ngân hàng trong đó có khoản nợ gốc 38.187.264 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3.1]Đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 trả khoản lãi quá hạn 230.525.380 đồng. Theo cam kết tại giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng thì các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn áp dụng là 25%/năm. Như vậy, Ngân hàng xác định phương pháp tính lãi quá hạn được tính trên toàn bộ dư nợ đến hạn, bao gồm nợ gốc cộng dồn với các khoản lãi trong hạn và các loại phí. Theo đó Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ lãi quá hạn đến ngày xét xử với số tiền 230.525.380 đồng. Tuy nhiên theo điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định "Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất không vượt quá 150% lãi cho vay trong hạn". Như vậy thỏa thuận tại Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ về số tiền làm căn cứ để tính lãi quá hạn bao gồm cả nợ gốc cộng dồn với khoản lãi trong hạn và các loại phí là trái với quy định của điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N như đã viện dẫn nêu trên. Nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tính lãi suất quá hạn đối với số tiền nợ gốc 38.187.264

đồng, tương ứng với thời gian quá hạn, theo mức lãi quá hạn các bên thỏa thuận, như sau: Thời gian quá hạn từ ngày 05/11/2019 đến ngày xét xử, ngày 29/4/2025 là 2001 ngày, cụ thể lãi được tính như sau: 38.187.264 đồng x 25%/năm : 365 x 150% x 2001 ngày = 78.506.214 đồng.

Hội đồng xét xử không chấp một phần yêu cầu của Ngân hàng về tính lãi quá hạn với số tiền 152.019.166 đồng (230.525.380 đồng – 78.506.214 đồng = 152.019.166 đồng).

[3.2] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 phải trả các khoản phí tổng số tiền 651.395.300 đồng, trong đó bao gồm: phí chậm thanh toán 650.995.300 đồng; phí vượt hạn mức 400.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại Điều 5 của Thông tư 16/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2019 của Ngân hàng N quy định về phí dịch vụ thẻ như sau "…Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức phát hành thẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật…". Theo quy định của Ngân hàng như trên thì phí chậm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán áp dụng đối với dư nợ cuối kỳ và được tính theo từng kỳ thanh toán; phí vượt hạn mức trên số tiền vượt hạn mức tại từng kỳ thanh toán. Như vậy, thực chất các khoản phí này là một hình thức tính lãi, trong đó khoản phí chậm thanh toán được tính trên toàn bộ dư nợ, trong khi phần nợ gốc đã được sử dụng để làm căn cứ tính lãi quá hạn; khoản phí vượt hạn mức được tính đối với toàn bộ số tiền vượt quá 40.000.000 đồng trong khi thực tế số tiền vượt hạn mức là tiền lãi, phí cộng dồn, việc tính lãi như vậy không phù hợp với quy định tại Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng. Mặt khác tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, ngày 05/11/2019 Ngân hàng đã khóa thẻ và yêu cầu khách hàng phải thanh toán toàn bộ dư nợ đến hạn. Nhưng từ sau thời điểm chuyển nợ quá hạn khách hàng đã bị khóa thẻ, Ngân hàng đã tiến hành các thủ tục để thu hồi nợ, như vậy tính chất của "dịch vụ thẻ" không còn nên không thể tiếp tục tính các khoản phí như phí chậm thanh toán, phí vượt hạn mức như Ngân hàng yêu cầu kể từ sau thời điểm chuyển nợ quá hạn. Theo quy định thì sau thời điểm chuyển nợ quá hạn Ngân hàng có quyền yêu cầu khách hàng phải trả khoản lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận khoản phí chậm thanh toán đối với kỳ thanh toán ngày 05/11/2019 với số tiền là 545.030 đồng; tại kỳ thanh toán này chưa vượt hạn mức sử dụng thẻ nên chưa phát sinh phí vượt hạn mức. Sau thời điểm Ngân hàng chuyển nợ quá hạn, khóa thẻ và tiến hành các thủ tục để thu hồi nợ đối với khách hàng thì Hội đồng xét xử không chấp nhận khoản phí chậm thanh toán với số tiền 650.450.270 đồng; phí vượt hạn mức 400.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ là 117.238.508 đồng, trong đó: nợ gốc: 38.187.264 đồng; lãi: 78.506.214 đồng; phí trễ hạn: 545.030 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 thanh toán tổng số tiền 802.869.436 đồng, trong đó: lãi quá hạn 152.019.166 đồng, phí chậm thanh toán 650.450.270 đồng; phí vượt hạn mức 400.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa hôm nay về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ.

[5] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 2018102910538204 ngày 29/10/2018; căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Nguyễn Thị Thùy L2.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch 5% của số tiền phải trả.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền các loại phí 802.869.436 đồng của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu theo giá ngạch là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 278, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N quy định về phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận, gửi tiền, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng. Thông tư 16/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2019 của Ngân hàng N quy định về phí dịch vụ thẻ. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Đ đối với bà Nguyễn Thị Thùy L2.

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ tính đến ngày 29/4/2025 là 117.238.508 đồng, trong đó; nợ gốc 38.187.264 đồng; lãi 78.506.214 đồng; phí chậm thanh toán 545.030 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 30/4/2025) bà Nguyễn Thị Thùy L2 còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi, phí phát sinh theo đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế V số 2018102910538204 ngày 29/10/2018 cho đến khi tất toán khoản vay.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ buộc bà Nguyễn Thị Thùy L2 thanh toán tổng số tiền 802.869.436 đồng, trong đó: lãi quá hạn 152.019.166 đồng, phí chậm thanh toán 650.450.270 đồng; phí vượt hạn mức 400.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: - Bà Trương Thị Mỹ L3 phải chịu 5.861.295 đồng.

- Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 36.086.038 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 13.461.868 đồng đã nộp, theo biên lai thu số 0009291 ngày 13/13/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Ngân hàng TMCP Đ còn phải nộp 22.624.170 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm